TÒA ÁN ND HUYỆN T **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Mai Thỏa và ông Hoàng Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu phố T, phường M, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, anh M, chị V vắng mặt và đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn M trình bày: Anh và chị Lê Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 02 ngày 07 tháng 4 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể thống nhất ý kiến chung trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, bế tắc. Gia đình đã nhiều lần hòa giải, khuyên bảo vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh M xác định cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị V.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Huỳnh Hạ Vsinh ngày 08/11/2008 và Huỳnh Lê Msinh ngày 17/10/2011. Hiện nay các cháu đang ở với anh M. Các cháu đều khỏe M, phát triển tốt. Anh M có nguyện vọng nuôi cả hai

con chung và yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000d/tháng.

Anh M cung cấp Bản cam kết đủ điều kiện nuôi con có xác nhận của UBND phường M, thành phố T, tỉnh Kiên Giang xác nhận nội dung: Anh M và chị Lê Thị V có hai con chung là cháu Huỳnh Hạ Vvà Huỳnh Lê Msống với bố từ nhỏ, được học tập và phát triển bình thường. Hiện nay anh đang làm nhân viên phân phối sản phẩm mức lương từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng. Công việc chủ yếu vào ban đêm lái xe vận chuyển sản phẩm để kịp phiên chợ cho các chủ hàng vào sáng hôm sau. Vì vậy, vào ban ngày anh M có đủ thời gian đưa đón các con đi học và chăm sóc các cháu, ngoài ra còn có bà nội hỗ trợ chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có sản chung và nợ chung.

2. Tại Bản tự khai ngày 28/3/2023, bị đơn là chị Lê Thị V trình bày và đề nghị: Chị và anh Huỳnh Văn M kết hôn vào ngày 07 tháng 4 năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc. Về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bắt nguồn từ sự khác biệt về suy nghĩ và quan điểm sống. Chị thấy bản thân không hợp với văn hóa và cách sống quê chồng. Vợ chồng chị nhiều lần có ý định ly hôn nhưng được mọi người trong gia đình khuyên can. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Anh M có đơn ly hôn, nhận thấy tình trạng hôn nhân đã rơi vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn hành phúc. Vì vậy chị đồng ý ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Huỳnh Hạ V sinh ngày 08/11/2008 và Huỳnh Lê Msinh ngày 17/10/2011. Các cháu đang ở với bố từ nhỏ, được học tập và phát triển bình thường. Chị mong muốn các con lớn lên và phát triển cùng nhau, không bị chia rẽ. Vì vậy, chị đồng ý giao 2 con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000đ/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh M khởi kiện xin ly hôn chị V cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh M và chị V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn M và chị Lê Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện được được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 02 ngày 07 tháng 4 năm 2009 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, khác biệt về văn hóa lối sống dẫn đến tình cảm vợ

chồng rạn nứt, không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V. Chị V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh M và chị V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Huỳnh Hạ Vsinh ngày 08/11/2008 và Huỳnh Lê Msinh ngày 17/10/2011. Các cháu đang ở với bố, được học tập và phát triển bình thường.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của anh M: Anh M có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định phù hợp với nội dung xác nhận của UBND phường M, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hạ Vmong muốn được ở với bố. Chị V cũng thống nhất giao hai con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Hạ Vvà Mcho anh M nuôi dưỡng, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai cháu 2.000.000đ/tháng.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp anh M không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn M và chị Lê Thị V.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Huỳnh Hạ Vsinh ngày 08/11/2008 và Huỳnh Lê Msinh ngày 17/10/2011. Giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai cháu 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016904 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh M còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. T;
- Chi cục THA. T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu